

CÔNG TY
ĐIỆN LỰC GIA LÂM
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KIỂM NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHIỆM VỤ KỸ THUẬT
VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN
DỰ ÁN: XÂY DỰNG MỚI CÁC TBA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚC
LỢI NĂM 2026**

Người lập: Nguyễn Hoàng Long - Chuyên viên tổ Quản lý đầu tư

Người kiểm tra: Hoàng Văn Luận – Tổ trưởng Tổ quản lý đầu tư./.

Nơi nhận:

- BGĐ;
- KTAT, QLDT;
- QLDT (06 bản giấy đề t/h);
- Lưu: VT, KTAT.

GIÁM ĐỐC BAN

**PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Văn Thành**

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BIÊN CHẾ HỒ SƠ

Hồ sơ Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án: **“Xây dựng mới các TBA trên địa bàn phường Phúc Lợi năm 2026”** được biên chế như sau:

PHẦN I. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN.

- I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.
- II. MỤC TIÊU DỰ ÁN.
- III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN .
- IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN .

PHẦN II. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

- I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT.
- II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

PHẦN I: QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHAI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 của Quốc hội ngày 30/11/2024;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;
- Nghị định số 11/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 9 năm 2023 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội;
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;
- Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16/09/2015 của Bộ Công Thương Quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung

xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 về việc ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị N10, tỉ lệ 1/2000 địa điểm: tại các phường Ngọc Thụy, Ngọc Lâm, Bồ Đề, Gia Thụy, Thượng Thanh, Đức Giang, Việt Hưng, Giang Biên, Long Biên, Phúc Đồng, Cự Khối, Sài Đồng, Thạch Bàn, Phúc Lợi – quận Long Biên, Xã Cổ Bi, Đông Dư - huyện Gia Lâm - Hà Nội;

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Quyết định số 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sửa đổi lần 1);

- Thông báo số 1672/TB-EVN HANOI ngày 27/02/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuẩn hóa tên gọi, đơn vị tính vật tư thiết bị lưới điện;

- Thông báo số 7734/EVN HANOI-QLDTU ngày 08/11/2022 về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện Quy trình thẩm tra, trình duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác lập quy hoạch, BCNCKT, BCKTKT trong Tổng công ty;

- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 về việc ban hành Đề án “Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

- Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 21/04/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý trong Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 4892/QĐ-EVN HANOI ngày 31/5/2025 Ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 8848/QĐ-EVN HANOI ngày 10/9/2025 về việc ban hành “Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 10699/QĐ-EVN HANOI ngày 05/11/2025 Ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 571/QĐ-EVN HANOI ngày 20/01/2026 về việc Sửa đổi lần 2 “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1)”;

- Quyết định số 12870/QĐ-EVNHANOI ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng- tài chính năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;
- Quyết định số 1020/QĐ-EVNHANOI ngày 30/01/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 4 năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;
- Quyết định 4442/QĐ-PCGIALAM ngày 12/12/2025 về việc kiện toàn Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm tại Công ty Điện lực Gia Lâm theo văn bản số 10848/EVNHANOI-TCNS ngày 10/11/2025 của Công ty Điện lực Gia Lâm;

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN.

Dự án: “Xây dựng mới các TBA trên địa bàn phường Phúc Lợi năm 2026” nhằm mục tiêu:

* **Xây dựng TBA Phúc Đồng 11** để chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và giảm tổn thất điện năng cho các TBA Phúc Đồng 4, TBA Phúc Đồng 10 và TBA Tân Thụy.

- TBA Phúc Đồng 4:
 - + Năm vận hành: 2016
 - + Công suất 400kVA
 - + Tình hình mang tải năm 2025: $I_{max} = 577.4A$ (100.1%) vào ngày 18/07/2025 23:00:00

- + Chu kỳ mang tải (từ 01/01 - 20/8/2025): >80% (48 ck)
- + Số xuất tuyến hạ thế: 04, Bán kính cấp điện hạ thế dài nhất khoảng 300m
- + Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +8% vận hành 108%; 2027: +5% vận hành 113.5%

+ Có liên thông hạ áp với TBA Phúc Đồng 10, Tân Thụy.

- TBA Phúc Đồng 10:
 - + Năm vận hành: 2019
 - + Công suất 630kVA
 - + Mang tải 2025 (từ 01/01 - 20/8): $I_{max} = 801.6A$ (88.2%) vào ngày 15/03/2025 11:00:00.

+ Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +5% vận hành 86.1%

- TBA Tân Thụy:
 - + Năm vận hành: 2002
 - + Công suất 400kVA
 - + Mang tải 2025 (từ 01/01 - 20/8): $I_{max} = 462A$ (80.1%) vào ngày 23/02/2025 03:00:00.

+ Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +5% vận hành 84.1%

* **Xây dựng TBA Hội Xá 17** để chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và giảm tổn thất điện năng cho các TBA Hội Xá 2, TBA Hội Xá 6 và TBA Hội Xá 15.

- TBA Hội Xá 2:
 - + Năm vận hành: 1998
 - + Công suất 400kVA
 - + Tình hình mang tải năm 2025: $I_{max} = 524A$ (90.8%) vào ngày 21/01/2025 03:00:00

+ Chu kỳ mang tải (từ 01/01 - 20/8/2025): >80% (22 ck)

- + Số xuất tuyến hạ thế: 05, Bán kính cấp điện hạ thế dài nhất khoảng 300m
- + Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +8% vận hành 98.6%; 2027: +5% vận hành 101.7%
- + Có liên thông hạ áp với TBA Hội Xá 6, Hội Xá 9.
- TBA Hội Xá 6:
 - + Năm vận hành: 2010
 - + Công suất 630kVA
 - + Mang tải 2025 (từ 01/01 - 20/8): $I_{max} = 566.6A$ (62.3%) vào ngày 05/01/2025 04:00:00.
 - + Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +5% vận hành 65.4%
- TBA Hội Xá 15:
 - + Năm vận hành: 2022
 - + Công suất 630kVA
 - + Mang tải 2025 (từ 01/01 - 20/8): $I_{max} = 811.9A$ (89.3%) vào ngày 01/04/2025 02:30:00.
 - + Tốc độ tăng trưởng tải dự kiến 2026: +5% vận hành 94%

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN:

TT	Vật tư, thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
A	Thiết bị			
1	Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA	Tủ	2	Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA
2	MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ	máy	2	MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ
3	Thân trụ thép TBA trụ đứng (kiểu trụ thép, Compact, trụ đỡ kiêm tủ hạ thế và có khoang trống đặt tủ trung thế), phụ kiện lắp đặt có hộp chụp cực MBA, máng cáp cao thế, máng cáp hạ thế, giá kiểm tra MBA, thang đỡ cáp trung thế lên tủ RMU, bulong móng D27	trụ	2	Trụ thép đỡ MBA 630kVA, kèm tủ hạ thế 600V-1000A (1ATM 1000A+5ATM320A+1ATM 160A) có ngăn lắp tủ trung thế
4	Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển	Tủ	2	Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển
B	Vật liệu chính			
1	Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm ² -Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE	mét	740	Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm ² -Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE

TT	Vật tư, thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng	Giải pháp kỹ thuật sơ bộ
2	Cáp hạ áp-Al-4x240mm ² -giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	550	Cáp hạ áp-Al-4x240mm ² -giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE
3	Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm ²	mét	1600	Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm ²

IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN.

1. Cơ sở lập khái toán chi phí đầu tư.

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội;

Thông tư 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ;

Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Đơn giá xây dựng công trình Thành phố Hà Nội phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 16/04/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở Xây Dựng TP Hà Nội về việc công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Quyết định số 3562/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng TP Hà Nội về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Công bố giá vật liệu xây dựng TP Hà Nội số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025;

Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18 tháng 04 năm 2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;

Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

Văn bản số 1445/EVNHA NOI-QLDTU ngày 14/02/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc thực hiện các Quyết định của Sở xây dựng Hà Nội công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Thông báo số 3888/TB-EVNHA NOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;

Giá vật tư thiết bị tham khảo theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán;

Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Nguyên tắc xác định khái toán.

- Lập khái toán chi phí đầu tư xây dựng dự án trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định sơ bộ TMĐT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và phương pháp hướng dẫn tại mục I Phụ lục I. TT11/2021/TT-BXD. Cụ thể:

- Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

- Sơ bộ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được ước tính trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ theo phương án thiết kế sơ bộ của dự án và suất vốn đầu tư số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35KV.

- Đối với một số VTTB không có trong suất vốn đầu tư sử dụng theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán.

- Việc xác định chi phí xây dựng và thiết bị trong khái toán chi phí đầu tư của dự án như trên để phục vụ cho công tác xác định các khoản mục chi phí tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị. Các chi phí tư vấn và các chi phí khác: được xác định và tính toán theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Sửa đổi bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Thông tư số 60/2025/TT-BXD

3. Khái toán chi phí đầu tư: 8.610.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm mười triệu đồng chẵn)

Chi tiết phụ lục kèm theo

PHẦN II: NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT.

1. Cơ sở lập nhiệm vụ kỹ thuật.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 11/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 9 năm 2023 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;
- Thông tư 02/2024/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn;
- Thông tư 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 về việc ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Căn cứ Quyết định 789/QĐ-EVN ngày 10/06/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ

thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sửa đổi lần 1);

- Thông báo số 1672/TB-EVNHA NOI ngày 27/02/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuẩn hóa tên gọi, đơn vị tính vật tư thiết bị lưới điện;

- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án “Chuẩn hoá lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty điện lực TP Hà Nội”.

- Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 21/04/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý trong Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội.

- Căn cứ Quyết định số 4892/QĐ-EVNHA NOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 8848/QĐ-EVNHA NOI ngày 10/9/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy trình Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 12870/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng- tài chính năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

- Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/01/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 4 năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm;

- Quyết định 4442/QĐ-PCGIALAM ngày 12/12/2025 về việc kiện toàn Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm tại Công ty Điện lực Gia Lâm theo văn bản số 10848/EVNHA NOI-TCNS ngày 10/11/2025 của Công ty Điện lực Gia Lâm;

- Căn cứ vào tình trạng hiện tại của lưới điện trung, hạ thế và các TBA trên địa bàn phường Phúc Lợi.

2. Nội dung của nhiệm vụ kỹ thuật.

- Dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn phường Phúc Lợi năm 2026

2.1. Xây dựng mới TBA Phúc Đồng 11:

- Điểm đấu nối: Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 452E1.59 từ tủ RMU Phúc Đồng 4 đi TBA Tân Thụy.

- **Vị trí xây dựng:** TBA được xây dựng mới tại vị trí vỉa hè cạnh tổ dân phố Tân Thụy.

- Quy mô công suất:

- + Sử dụng: 180m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE.

- + 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA;

- + 01 MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ;

- + 01 Thân trụ thép TBA trụ đứng (kiểu trụ thép, Compact, trụ đỡ kiêm tủ hạ thế và có khoang trống đặt tủ trung thế), phụ kiện lắp đặt có hộp chụp cực MBA, máng cáp cao thế, máng cáp hạ thế, giá kiểm tra MBA, thang đỡ cáp trung thế lên tủ RMU, bulong móng D27;

- + 01 Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển;

- + 110m Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE;

+ 1050m Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²;

Cụ thể:

- Xây dựng 01 tuyến cáp ngầm trung thế 22kV Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 452E1.59 từ tủ RMU Phúc Đồng 4 đi TBA Tân Thụy.

- Xây dựng mới TBA Phúc Đồng 11 kiểu trạm hợp bộ, sử dụng MBA 630kVA – 22/0,4kV;

- Kéo mới, thay thế đường trục hạ thế bị nứt vỡ, nối giữa khoảng, cáp nhỏ đầy tải sử dụng khoảng 1050m Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²;

- Giải pháp công nghệ chính

- Phần cáp ngầm trung thế:

Xây dựng 01 tuyến cáp ngầm trung thế 22kV Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 452E1.59 từ tủ RMU Phúc Đồng 4 đi TBA Tân Thụy.

Cấp điện áp đầu nối: 22kV

Số mạch: 2 mạch

Chiều dài tuyến: khoảng 90m hào 2 cáp trung thế

Loại cáp sử dụng: Sử dụng khoảng 180m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE

- Phần trạm biến áp:

+ Kiểu trạm: Trạm trụ thép hợp bộ, bao gồm tủ hạ thế 600V- 1000A-50kA/s; có vị trí lắp đặt tủ RMU 3 ngăn 22kV, tủ tụ bù có điều khiển 90kVAR.

+ MBA sử dụng máy: MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ.

+ 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA lắp đặt trong trụ thép hợp bộ.

+ Lắp đặt 01 trụ thép đỡ MBA 630kVA, kèm Tủ tổng hạ áp 1000A-Kiểu bệt-Ngoài trời.

+ Lắp đặt Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển trọn bộ được bố trí nằm trong thân trụ thép.

- Phần cáp ngầm hạ thế:

+ Xây dựng mới 5 lộ cáp ngầm hạ thế từ tủ hạ thế đến cột XT, sử dụng cáp Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE, chiều dài mỗi lộ khoảng 22m; Tổng 110m.

- Phần đường trục hạ thế

Quy hoạch lại hệ thống đường trục và nhánh hạ thế sau TBA Phúc Đồng 11 bổ sung cáp đường trục để tăng khả năng tải lưới điện. San tải chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho TBA Phúc Đồng 10, Phúc Đồng 3, Phúc Đồng 4, Tân Thụy. Cụ thể như sau:

Cáp vặn xoắn kéo mới:

+ Thay thế, bổ sung 5 lộ cáp đường trục bằng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm². Tổng chiều dài 1050m.

2.2. Xây dựng mới TBA Hội Xá 17:

- Điểm đầu nối: Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 460E1.59 từ TBA Rau Sạch Hội Xá đi tủ RMU TBA Hội Xá 15.

- **Vị trí xây dựng:** TBA được xây dựng mới tại vị trí nằm trong tổ dân phố 1+2+3 Phúc Lợi. Cuối ngõ 145 Phúc Lợi.

- Quy mô công suất:

+ Sử dụng: 560m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE.

+ 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA;

+ 01 MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ;

+ 01 Thân trụ thép TBA trụ đứng (kiểu trụ thép, Compact, trụ đỡ kiểm tủ hạ thế và có khoang trống đặt tủ trung thế), phụ kiện lắp đặt có hộp chụp cực MBA, máng cáp cao thế, máng cáp hạ thế, giá kiểm tra MBA, thang đỡ cáp trung thế lên tủ RMU, bulong móng D27;

+ 01 Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển;

+ 440m Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE;

+ 550m Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²;

Cụ thể:

- Xây dựng 01 tuyến cáp ngầm trung thế 22kV Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 460E1.59 từ TBA Rau Sạch Hội Xá đi tủ RMU TBA Hội Xá 15.

- Xây dựng mới TBA Hội Xá 17 kiểu trạm hợp bộ, sử dụng MBA 630kVA – 22/0,4kV;

- Kéo mới, thay thế đường trục hạ thế bị nứt vỡ, nối giữa khoảng, cáp nhỏ đầy tải sử dụng khoảng 550m Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²;

- Giải pháp công nghệ chính

- Phần cáp ngầm trung thế:

+ Xây dựng 01 tuyến cáp ngầm trung thế 22kV Đấu béc vào tuyến cáp ngầm lộ 460E1.59 từ TBA Rau Sạch Hội Xá đi tủ RMU TBA Hội Xá 15.

Cáp điện áp đầu nối: 22kV

+ Số mạch: 2 mạch

+ Chiều dài tuyến: khoảng 280m hào 2 cáp trung thế

+ Loại cáp sử dụng: Sử dụng khoảng 560m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm²-Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE

- Phần trạm biến áp:

+ Kiểu trạm: Trạm trụ thép hợp bộ, bao gồm tủ hạ thế 600V- 1000A-50kA/s; có vị trí lắp đặt tủ RMU 3 ngăn 22kV, tủ tụ bù có điều khiển 90kVAr.

+ MBA sử dụng máy: MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ.

+ 01 tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA lắp đặt trong trụ thép hợp bộ.

+ Lắp đặt 01 trụ thép đỡ MBA 630kVA, kèm Tủ tổng hạ áp 1000A-Kiểu bệt-Ngoài trời.

+ Lắp đặt Tủ tụ bù 0,4kV-điều khiển 6 cấp-6x15kVAr-ngoài trời, có điều khiển trọn bộ được bố trí nằm trong thân trụ thép.

- Phần cáp ngầm hạ thế:

+ Xây dựng mới 3 lộ cáp ngầm hạ thế từ tủ hạ thế đến cột XT và 2 lộ cáp ngầm hạ thế từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 11(Hội Xá 15), Pillar 4(Hội Xá 6) sử dụng Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE. Tổng chiều dài 440m.

- Phần đường trục hạ thế

Quy hoạch lại hệ thống đường trục và nhánh hạ thế sau TBA Hội Xá 17 bổ sung cáp đường trục để tăng khả năng tải lưới điện. San tải chống quá tải, giảm bán kính cáp điện cho TBA Hội Xá 15, Hội Xá 6, Hội Xá 2. Cụ thể như sau:

Cáp vặn xoắn kéo mới:

+ Thay thế, bổ sung 3 lộ cáp đường trục bằng cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm². Tổng chiều dài 550m.

3. Công tác khảo sát

Tuyến cáp ngầm trung thế hạ thế cần đo vẽ trong dự án:

+ TBA Phúc Đồng 11: Từ điểm đầu TBA Phúc Đồng 11, chiều dài tuyến 90m.

+ TBA Hội Xá 17: Từ RMU Hội Xá 15, chiều dài tuyến 280m.

Tuyến cáp ngầm hạ thế:

+ TBA Phúc Đồng 11: Chiều dài tuyến cáp ngầm hạ thế cần đo vẽ trong hạng mục là 22m.

+ TBA Hội Xá 17: Chiều dài tuyến cáp ngầm hạ thế cần đo vẽ trong hạng mục là 240m.

Tổng chiều dài tuyến cáp ngầm trung thế, hạ thế cần đo vẽ của Dự án là 632m

Đo lưới không chế mặt bằng đường truyền cáp 2, địa hình cấp IV tuyến cáp ngầm:

+ Với chiều dài tuyến là 632m, số lượng mốc đường truyền là 3 mốc

+ Vị trí lắp đặt TBA: 2 trạm, số lượng đường truyền là 4 mốc

Tổng cộng 7 mốc

Đo dẫn độ cao đến các điểm, dẫn thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV (Dọc theo tuyến cáp ngầm) 632m

Đo vẽ bản đồ tuyến cáp ngầm tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0.5m, địa hình cấp IV.

Phạm vi đo vẽ là 3m từ tim tuyến về mỗi phía với chiều dài bằng chiều dài tuyến cáp ngầm.

+ Do đó phạm vi đo vẽ bản đồ đối với dự án là $632 \times 6 = 3792\text{m}^2 = 0.3792\text{ha}$

+ Đo vẽ diện tích TBA: $2 \times 7.4 \times 7.9 = 116.92\text{m}^2 = 0.012\text{ha}$

Tổng diện tích đo vẽ là 0.012ha

Đo vẽ mặt cắt ngang điển hình tỷ lệ 1/200, địa hình cấp IV: phạm vi chiều dài đo vẽ dự kiến 3 đoạn MC ngang x 20m/1 mặt cắt đối với các đoạn dọc đường giao thông: tổng chiều dài mặt cắt ngang là 60m. Cụ thể:

+ Đoạn Phố Tân Thụy: 1 vị trí mặt cắt.

+ Đoạn đường Viên Chiếu: 2 vị trí mặt cắt.

Khảo sát địa chất:

- Khoan rút lõi mặt đường giao thông phục vụ công tác điều tra vật liệu đào phá và hoàn trả mặt bằng hè, đường giao thông Chiều sâu mỗi lỗ khoan là 1.2m bằng chiều sâu chôn cáp. Cần 2 vị trí lỗ khoan, tổng khối lượng khoan là 2.4m.

+ Đoạn phố Tân Thụy: 1 vị trí hố khoan

+ Đoạn đường Viên Chiếu: 1 vị trí hố khoan

- Khoan khảo sát địa chất tại 02 vị trí TBA chiều sâu 5m/1 vị trí.

Khảo sát khí tượng thủy văn:

+ Điều tra mực nước ngập lụt hàng năm; điều tra đặc điểm khí tượng thủy văn

Lập báo cáo

+ Báo cáo khảo sát địa hình, gồm thuyết minh, các phụ lục, bản vẽ bảng tính và các tài liệu liên qua

- + Báo cáo khảo sát địa chất gồm thuyết minh, các phụ lục, bản vẽ, kết quả phân tích thí nghiệm, và các tài liệu liên quan
- + Lập báo cáo khảo sát điều tra khí tượng thủy văn của công trình.

Bảng khối lượng khảo sát

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	A	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
		Phân tuyến cáp ngầm trung, hạ áp		
2	CK.11340	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	0.3792
3	CI.11130	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	0.3792
4	CF.11620	Đo lưới không chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	3.0
5	CG.11340	Đo không chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	0.6320
6	CH.11140	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	6.320
7	CH.11240	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	0.60
		Khoan kiểm tra kết cấu nền đường phục vụ thi công, hoàn trả		
8	CC.11110	Khoan thử công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	2.40
9	TT	Điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi dọc theo tuyến cáp:	Công	1.0
		Phân trạm biến áp - Tủ RMU		
10	CK.11340	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	0.012
11	CI.11130	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	0.012
12	CF.11620	Đo lưới không chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	4.0
13	TT	Điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nguồn nước	Công	1.0
14	B	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT		
15	CC.11110	Khoan thử công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	10.0
16		* Thí nghiệm		
17	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	4.0

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
18	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	4.0
19	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	4.0
20	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	4.0
21	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	4.0
22	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	4.0
23	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	4.0
		* Đo điện trở suất		
24	CB.21320	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát	4.0

3. Tiến độ thực hiện: năm 2026

4. Khái toán mức đầu tư: 8.610.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm mười triệu đồng chẵn.)

STT	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT (8%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí BT-HT-TĐC				
2	Chi phí xây dựng	Chi tiết theo phụ lục II	4.706.280.650	376.502.452	5.082.783.102
3	Chi phí thiết bị	Chi tiết theo phụ lục II	1.974.692.000	157.975.360	2.132.667.360
4	Chi phí quản lý dự án	Chi tiết theo phụ lục III	190.113.758		190.113.758
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Chi tiết theo phụ lục IV	415.688.357	33.255.069	448.943.426
6	Chi phí khác	Tạm tính	319.900.328	25.592.026	345.492.354

STT	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT (8%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
7	Chi phí dự phòng	$5\% \times (2+3+4+5+6)$	380.333.755	29.666.245	410.000.000
	Tổng cộng	$(1+2+3+4+5+6+7)$	7.987.008.848	622.991.152	8.610.000.000

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN.

1. Cơ sở lập.

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH ngày 17/6/2025 của Quốc hội;
- Thông tư 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ;
- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội;
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;

- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Thông báo số 3888/TB-EVNHANOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;
- Công bố số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở xây dựng công bố giá một số vật liệu xây dựng Quý IV năm 2025 và theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán.
- Báo giá của các đơn vị cung cấp;
- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Thành phần chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án.

- Chi phí tư vấn khảo sát
- Chi phí tư vấn lập BCKTKT.

3. Xác định dự toán chi phí giai đoạn CBDA.

Dự án chi phí giai đoạn CBDA được xác định trên cơ sở khái toán chi phí đầu tư của dự án và thành phần chi phí giai đoạn CBDA nêu trên.

4. Giá trị dự toán chi phí giai đoạn CBDA: 471.390.598 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn năm trăm chín mươi tám đồng)

(Chi tiết phụ lục kèm theo)